

Số: 01 /2026/NQ-HĐND

Thông nhất, ngày 17 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định tổng mức chi; danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Thống Nhất

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Xét Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã về dự thảo Nghị quyết quy định tổng mức chi; danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi trong xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Thống Nhất; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân xã ban hành Nghị quyết quy định tổng mức chi; danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi trong xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Thống Nhất.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tổng mức chi; danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi trong xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Thống Nhất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ xây dựng hoặc tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Thống Nhất.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Tổng mức chi trong xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Thống Nhất

1. Trường hợp xây dựng mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật:

a) Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã: 10.000.000 đồng/01 văn bản.

b) Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân xã: 8.000.000 đồng/01 văn bản.

2. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng tổng mức chi như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Thống Nhất

1. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi trong xây dựng mới hoặc ban hành văn bản thay thế nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, quyết định của Ủy ban nhân dân xã được thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung một số điều thì áp dụng định mức khoán chi như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của từ 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi và định mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi và định mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 30% tổng mức chi và định mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Người đứng đầu cơ quan thực hiện nhiệm vụ, hoạt động căn cứ tình hình thực tế, mức độ phức tạp và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động tại Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này để quyết định mức chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động do đơn vị mình thực hiện bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không vượt tổng mức chi và định mức khoán chi đối với từng nhiệm vụ tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì nội dung nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện theo đúng quy định trước thời điểm có quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt được thanh toán, quyết toán theo sản phẩm là kết quả nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện tương ứng với mức khoán chi quy định tại Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện công tác xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân xã do ngân sách xã bảo đảm, được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của cơ quan được giao chủ trì tham mưu công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 7 năm 2026.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, báo cáo Hội đồng nhân dân xã về kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Thống Nhất khóa III, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Lý Thị Thủy

PHỤ LỤC
DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI XÂY DỰNG VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ, ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THỐNG NHẤT
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Thống Nhất)

I. TỔNG MỨC CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT MỚI HOẶC THAY THẾ; XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC BÃI BỎ MỘT SỐ ĐIỀU CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ, ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Đơn vị tính: đồng

ST T	Loại văn bản	Văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới hoặc thay thế hoặc sửa đổi bổ sung từ 02 văn bản quy phạm pháp luật					Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật					Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật				
		Tổng mức chi	Nhiệm vụ soạn thảo	Nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Ủy ban nhân dân	Nhiệm vụ thẩm tra	Tổng mức chi	Nhiệm vụ soạn thảo	Nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Ủy ban nhân dân	Nhiệm vụ thẩm tra	Tổng mức chi	Nhiệm vụ soạn thảo	Nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Ủy ban nhân dân	Nhiệm vụ thẩm tra
1	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã	10.000.000	6.000.000	1.000.000	800.000	2.200.000	6.000.000	3.600.000	600.000	480.000	1.320.000	3.000.000	1.800.000	300.000	240.000	660.000
2	Quyết định của Ủy ban nhân dân xã	8.000.000	6.400.000	960.000	640.000	-	4.800.000	3.840.000	576.000	384.000	-	2.400.000	1.920.000	288.000	192.000	-

II. ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG TRONG CÔNG TÁC SOẠN THẢO; THẨM ĐỊNH; TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ; THẨM TRA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ, ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (đồng)					
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã			Quyết định của Ủy ban nhân dân xã		
			Văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới hoặc thay thế hoặc sửa đổi bổ sung từ 02 văn bản quy phạm pháp luật	Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật	Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật	Văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới hoặc thay thế hoặc sửa đổi bổ sung từ 02 văn bản quy phạm pháp luật	Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật	Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật
			Định mức khoán chi	Định mức khoán chi	Định mức khoán chi	Định mức khoán chi	Định mức khoán chi	Định mức khoán chi
A	NHIỆM VỤ SOẠN THẢO		6.000.000	3.600.000	1.800.000	6.400.000	3.840.000	1.920.000
1	Xây dựng Tờ trình	Tờ trình	1.500.000	900.000	450.000	1.200.000	720.000	360.000
2	Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	3.500.000	2.100.000	1.050.000	4.000.000	2.400.000	1.200.000
3	Lấy ý kiến hồ sơ dự thảo bằng hình thức phù hợp bảo đảm theo quy định	Biên bản họp/văn bản tham gia ý kiến	500.000	300.000	150.000	500.000	300.000	150.000

4	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	500.000	300.000	150.000	700.000	420.000	210.000
B	NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH		1.000.000	600.000	300.000	960.000	576.000	288.000
5	Trường hợp tự thẩm định							
	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	-	-	-	960.000	576.000	288.000
6	Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc tổ chức cuộc họp thẩm định		1.000.000	600.000	300.000	960.000	576.000	288.000
a)	Tổ chức họp Hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định	Biên bản cuộc họp	250.000	150.000	75.000	260.000	156.000	78.000
c)	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	750.000	450.000	225.000	700.000	420.000	210.000
7	Trường hợp lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản		1.000.000	600.000	300.000			
b)	Lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan	Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan	250.000	150.000	75.000	-	-	-
c)	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	750.000	450.000	225.000	-	-	-

C	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ VÀ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN		800.000	480.000	240.000	640.000	384.000	192.000
8	Hoàn thiện, trình hồ sơ sau khi có ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân xã, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã hoặc Thường trực HĐND xã	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sau khi có ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân xã hoặc Thường trực HĐND xã	300.000	180.000	90.000	240.000	144.000	72.000
9	Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ký quyết định/Tờ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Quyết định của Ủy ban nhân dân xã/Tờ trình của Ủy ban nhân dân xã dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trình Hội đồng nhân dân xã	500.000	300.000	150.000	400.000	240.000	120.000
D	NHIỆM VỤ THẨM TRA		2.200.000	1.320.000	660.000	-	-	-
10	Hoạt động thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp của các Ban HĐND xã					-	-	-
a)	Tiếp nhận, rà soát hồ sơ, quy trình và tham mưu xây dựng các văn bản chuẩn bị thẩm tra	Công văn, kế hoạch hoặc giấy mời họp phục vụ thẩm tra	500.000	300.000	150.000	-	-	-

b)	Họp thẩm tra	Thông báo kết luận thẩm tra/ Biên bản cuộc họp	500.000	300.000	150.000	-	-	-
c)	Xây dựng báo cáo thẩm tra dự thảo văn bản và ký ban hành	Báo cáo thẩm tra	600.000	360.000	180.000	-	-	-
11	Hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và trình ký ban hành	Nghị quyết	600.000	360.000	180.000	-	-	-